

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2022/HNGĐ- ST

Ngày: 04/8/2022

“V/v: Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT - TỈNH LÂM ĐỒNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Điền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông: Nguyễn Minh Sơn

+ Bà: Phạm Thị Hoa .

***Thư ký phiên tòa:*** ông Huỳnh Ngọc Phú - Là thư ký Toà án của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:*** Bà Cao Thị Bích Hợp - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 282/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về “*Xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/7/2022, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Thị G, sinh năm: 1970.

Địa chỉ: số 18/5 Hẻm Kim Đồng, phường C, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

***Bị đơn:*** Ông Lê Văn T, sinh năm: 1968

Địa chỉ: : số 18/5 Hẻm Kim Đồng, phường C, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

*(Các đương sự có mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện nộp tại Tòa án thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà G kết hôn với ông Lê Văn T vào năm 2006, tại Ủy ban nhân dân xã Hương Hồ, huyện Hương Trà, Thừa Thiên Huế, Sau khi kết hôn vợ chồng vào thành phố Đà Lạt, sinh sống cho đến nay. Khi vào Đà Lạt sinh sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tiền bạc, dạy dỗ con cái, Ông T thường xuyên say xỉn, mỗi lần say rượu, ông T thường dùng dao đâm dọa giết mẹ con bà G và không lo cho gia đình, ông T chỉ biết rượu chè, vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa, cuộc sống mạnh ai nấy lo (*không ăn chung, cơm mỗi người tự nấu v.v việc này diễn ra đã hai năm*).

Nay bà G xác định tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn được. Nên bà G yêu cầu tòa cho bà được ly hôn ông Lê Văn T.

*Về con chung:* Có 02 con chung tên Lê Thị Bảo N, sinh ngày 16/02/2015 và Lê Văn Q, sinh ngày 15/5/2008 hiện nay con đang ở với bố, mẹ. Vợ chồng ly hôn các con có nguyện vọng ở với mẹ nên bà G đồng ý nuôi các con đến khi thành niên. Bà G yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đồng/tháng/02 con.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết .

*Về nợ chung:* Không có nợ chung.

*Ông Lê Văn T trình bày:* Về quan hệ hôn nhân giữa ông T với bà G như bà G trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng vào Đà Lạt sinh sống cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cơm áo, gạo tiền, nuôi dạy con cái và ông T cũng thừa nhận có uống rượu. Khi say rượu ông T cũng có la mắng và chửi con cái. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, cuộc sống mạnh ai người đó lo (*vợ chồng ăn riêng, ngủ riêng đã được 02 năm*).

Nay ông T không đồng ý ly hôn mà mong muốn đoàn tụ.

*Về con chung:* Có 02 con chung tên Lê Thị Bảo N, sinh ngày 16/02/2015 và Lê Văn Q, sinh ngày 15/5/2008 hiện nay con đang ở với bố, mẹ. Vợ chồng ly hôn các con có nguyện vọng ở với mẹ, ông T không đồng ý. Trong trường hợp các con ở với ông T thì ông không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có nợ chung.

*Tại phiên Tòa hôm nay:* Bà G vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn ông T. về con chung thì theo nguyện vọng của các con, các con ở với mẹ, ông T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đ (bốn triệu đồng)/ tháng/02 con cho đến khi con thành niên.

Ông T mong muốn đoàn tụ gia đình.

về con chung: theo nguyện vọng của các con, các con ở với ông T thì ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

*Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

Vụ án thụ lý đúng trình tự theo luật quy định. Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán từ khi nhận đơn đến lúc đưa vụ án ra xét xử, xác định tư cách tham gia tố tụng, tổng đặt các văn bản tố tụng cho đương sự cũng như chứng cứ của vụ án, việc hòa giải đều đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định.

*Về quan hệ hôn nhân:* bà Nguyễn Thị G và ông Lê Văn T là hợp pháp, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tiền bạc, dạy dỗ con cái, ông T thường xuyên say xỉn, mỗi lần say rượu, ông T thường dùng dao đâm dọa giết mẹ con bà G và không lo cho gia đình, ông T chỉ biết rượu chè. Vì vậy: Vợ chồng không có tiếng nói chung. Vợ chồng sống chung một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau nữa. Do đó: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn bà G.

*Về con chung:* Theo nguyện vọng của các con là được ở với mẹ. Nên giao các con tên Lê Thị Bảo N, sinh ngày 16/02/2015 và Lê Văn Q, sinh ngày 15/5/2008 cho bà G trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đồng/02 con/tháng cho đến khi con thành niên.

Tài sản chung không yêu cầu, nợ chung không có nên không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Nguyễn Thị G yêu cầu ly hôn ông Lê Văn T, nên xác định quan hệ tranh chấp “Xin ly hôn” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. ông T hiện ở tại phường C, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, nên căn cứ Điều 35, 39 của Bộ

luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng giải quyết.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn đều có mặt nên tòa xét xử theo quy định pháp luật.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*: bà G và ông T có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hương Hồ, huyện Hương Trà, Thừa Thiên Huế, sau khi kết hôn vợ chồng vào thành phố Đà Lạt, sinh sống cho đến nay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tiền bạc, dạy dỗ con cái, ông T thường xuyên say xỉn, mỗi lần say rượu, ông T thường dung dao đâm dọa giết mẹ con bà G và không lo cho gia đình, ông T chỉ biết rượu chè.

Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn cũng thừa nhận có lỗi với vợ con, cơm áo, gạo tiền, nuôi dạy con cái và ông T cũng có uống rượu. Khi say rượu ông T cũng có la mắng và chửi con cái, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Qua các phiên hòa giải cũng như tại tòa hôm nay bị đơn mong muốn đoàn tụ gia đình để nuôi dạy con cái nhưng bị đơn không thiện chí khắc phục, sửa chữa lỗi lầm. Tòa án đã động viên các đương sự trở về đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả. Hơn nữa bà G đã đưa đơn đến tòa sau đó rút đơn, cho ông T cơ hội nhưng không có kết quả. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân từ lâu mọi quan hệ vợ chồng đã chấm dứt.

Xét thấy lời khai tại phiên tòa của các đương sự và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, biên bản xác nhận bà con lối xóm, tổ trưởng tổ dân phố, thì nhận thấy việc mâu thuẫn của vợ chồng thực tế là có xảy ra đã đến mức trầm trọng, tình cảm của vợ chồng không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó: Áp dụng điều 56 luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà G.

[4] *Về con chung*: Có 02 con chung tên Lê Thị Bảo N, sinh ngày 16/02/2015 và Lê Văn Q, sinh ngày 15/5/2008 hiện nay con đang ở với bố mẹ. Theo nguyện vọng của các con được ở với mẹ là bà Nguyễn Thị G. Nên bà G đồng ý nuôi các con.

Vì vậy: Giao hai con chung tên Lê Thị Bảo N, sinh ngày 16/02/2015 và Lê Văn Q, sinh ngày 15/5/2008 cho bà Nguyễn Thị G là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà G yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 4.000.000đồng/02 con/tháng cho đến khi thành niên. Xét yêu cầu này là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận.

[6] *Về tài sản chung*: Không yêu cầu tòa giải quyết.

[7] *Về nợ chung*: Không có.

[8] *Về án phí*: bà Nguyễn Thị G chịu toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, ông Lê Văn Tứ phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 28, 35, 36, 39, 147 và Điều 271, 273, 264, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào Điều, 55 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2014/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và xử dụng án phí và lệ phí tòa án.

*Tuyên xử:*

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị G . Cho bà Nguyễn Thị G được ly hôn ông Lê Văn T.

2. *Về con chung*: Có 02 con chung tên Lê Thị Bảo N, sinh ngày 16/02/2015 và Lê Văn Q, sinh ngày 15/5/2008 hiện nay con đang ở với bố, mẹ. Vợ chồng ly hôn các con có nguyện vọng ở với mẹ là bà Nguyễn Thị G. Nên bà G đồng ý nuôi các con.

*Vì vậy*: Giao hai con chung tên Lê Thị Bảo Nc , sinh ngày 16/02/2015 và Lê Văn Q, sinh ngày 15/5/2008 cho bà Nguyễn Thị Gái là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên.

*Về cấp dưỡng nuôi con chung*: Ông Lê Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đồng/02 con/tháng cho đến khi các con thành niên.

Thời gian cấp dưỡng nuôi con kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Kể từ ngày bản án (quyết định)có hiệu lực pháp luật bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

*Quyền thăm nuôi con, thay đổi người trực tiếp nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.*

2. *Về án phí:* Bà Nguyễn Thị G chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (Được trừ vào số tiền 300.000đồng bà Gái đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001789 ngày 10 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Ông Lê Văn T phải chịu 300.000đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

*Quyền kháng cáo:*

Bà Nguyễn Thị G và ông Lê Văn T có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND TP Đà Lạt;
- Chi cục THA Đà Lạt;
- UBND, xã Hương Hồ, Hương Trà, Thừa Thiên Huế.
- Đương sự;
- Lưu;

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Văn Điền**